

HOA NÔNG NHI CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tong số tre :304

Sang : Bánh canh ga nam mỗp ca rot su su
bap ngo rí
Sỗa grow
Trổa : Côm thòt lổn kho nghe sả nam ca rot.
Canh rau ngọt mỗp tom kho thòt heo nac
Mon luoc: bong cái trang, xanh
Xe: sỗa grow
Xe chieu: Mỉ sỗi thòt bọ nam mỗp ca rot gia
rau hung

Số Tiền Trên Mỗi Tre 36993				
STT	Tên thóc phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Rạm (mười)	500	1,060	5,300
2	Lổn	5,000	28,670	1,433,500
3	Tom kho	200	78,100	156,200
4	Súp lơ xanh*	2,000	9,770	195,400
5	Nỗộc mầm Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
6	Dầu thảo mộc	5,000	6,280	314,000
7	Nỗong cat	4,000	3,880	155,200
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Nghe tỗi	300	5,460	16,380
10	Xi dầu	1,000	990	9,900
11	Gạo tẻ may	15,000	2,630	394,500
12	Ngó (bap) tỗi	1,000	4,200	42,000
13	Hạnh lả	1,500	8,400	126,000
14	Hạnh củ tỗi	1,000	6,300	63,000
15	Ca rot	6,000	5,670	340,200
16	Gia nâu xanh	1,000	2,730	27,300
17	Rau ngó (Rau mui)	100	8,930	8,930
18	Rau ngọt	3,500	6,300	220,500
19	Mỗp	10,000	4,520	452,000
20	Su su	1,000	4,100	41,000
21	Sả	300	2,840	8,520
22	Súp lơ	2,000	9,350	187,000
23	Rau hung	100	12,920	12,920
24	Nam rỏm	2,000	14,180	283,600
25	Bánh canh	20,000	2,200	440,000
26	Mỉ sỗi	7,500	7,700	577,500
27	Thòt lổn nac	8,800	17,850	1,570,800
28	Thòt ga loại 1	3,000	12,920	387,600
29	Thòt bọ loại 1	3,000	37,800	1,134,000
Cong				8,826,750
	*XUAT KHO			
30	Sỗa bot Abbot Grow	11,800	20,500	2,419,000
Cong				2,419,000
Tổng tiền thóc phẩm				11,245,750 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỗộc chi trong ngày				11248000(đ)
Số dỏ nâu ngay				0(đ)
Số dỏ cuoi ngay				2250(đ)
Xuất an luy ke tỗ nâu thang				
Tieu chuan luy ke tỗ nâu thang				
Tiền chi luy ke tỗ nâu thang				